

Bản án số: 23/2022/DS-PT

Ngày 25/4/2022

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai.
Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐ-PT ngày 22/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 46/2022/QĐ-PT ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị B, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D1, xã H, huyện H, thành phố Đ hoặc chị Đặng Thị Kim T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2020). Bà T có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 14 phường B, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Điện B (Bằng), sinh năm 1973; địa chỉ: Số 56 đường H, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 112 đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Điện B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Mai Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Giữa bà và bà Đinh Thị S, ông Nguyễn Điện B có quan hệ quen biết làm ăn với nhau. Vào năm 2009, bà S có nợ của bà số tiền 300.000.000 đồng còn ông B nợ của bà S số tiền hơn 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 04/10/2009, bà S, ông B và bà đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc ông B có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng thay cho bà S. Đồng thời ông B viết giấy xác nhận và hẹn đến cuối tháng 04/2010 sẽ có trách nhiệm thay mặt bà S trả số tiền trên cho bà. Tuy nhiên, hết thời hạn cam kết nêu trên nhưng ông B cố tình không trả nợ đồng thời thường xuyên trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình và cho đến nay vẫn không trả được khoản tiền nào nên bà B yêu cầu buộc ông B trả số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Điện B trình bày:* Vào ngày 04/10/2009, ông thừa nhận có viết giấy xác nhận cam kết thay mặt bà S trả cho bà B số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông cho rằng việc ông viết giấy xác nhận này là do bị ép buộc, cụ thể sự việc như sau: Vào khoảng năm 2008 đến 2009, ông có vay của bà S số tiền gốc là 700.000.000 đồng, với lãi suất là 10%/ tháng; ông đã trả tiền lãi rất nhiều lần. Vào ngày 04/10/2009, bà S ép ông phải viết hai giấy xác nhận nợ với số tiền tổng cộng là 1.300.000.000 đồng, trong đó có một giấy xác nhận thay mặt bà S trả cho bà B 300.000.000 đồng. Việc viết giấy xác nhận nợ này là ở quán cà phê, lúc đó vì con còn nhỏ nên trước sức ép của bà S, ông đã phải viết giấy xác nhận nợ. Sau đó, vì làm ăn thua lỗ nên ông phải qua Lào làm ăn. Nay ông đề nghị hủy 02 giấy vay tiền mà ông đã viết và đề nghị làm rõ nguồn gốc của việc vay tiền. Tại phiên tòa ông không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị S trình bày:* Vào năm 2008, ông B có vay của bà số tiền khoảng 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên vì thời gian lâu quá nên bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Đồng thời lúc đó bà cũng có nợ bà B số tiền 300.000.000 đồng nên vào ngày 04/10/2009, bà S và bà B, ông B đã thỏa thuận số nợ 300.000.000 đồng này, ông B chịu trách nhiệm trả qua cho bà B và sẽ căn trừ vào số tiền ông B còn nợ bà, bà không còn nợ bà B nữa. Đồng thời ông B đã viết giấy xác nhận đồng ý trả nợ cho bà B 300.000.000 đồng. Nay bà B khởi kiện ông

B về việc ông B phải trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà B thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc ông B phải trả nợ cho bà B.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 274, 278, 280, 351, 353, 357, 365, 370, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị B đối với ông Nguyễn Điện B về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Điện B có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị B số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Điện B phải chịu 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Hoàn trả cho bà Mai Thị B 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0436 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2021, ông Nguyễn Điện B có đơn gửi đến Tòa án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Ông bị buộc phải viết giấy nợ trong tình trạng bị cưỡng chế; nguồn gốc số tiền trên là lãi cao, tín dụng đen có lãi suất từ 10% đến 20%/tháng nên ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm theo hướng Hủy bỏ giấy vay nợ mà ông buộc phải viết. Đưa sự việc trở lại tình trạng ban đầu ông chỉ nợ 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Điện B thì thấy: Vào năm 2008, ông Nguyễn Điện B vay của bà Đinh Thị S một khoảng tiền. Năm 2009, bà Đinh Thị S có mượn của bà Mai Thị B 300.000.000 đồng. Giữa bà Mai Thị B, bà Đinh Thị S, ông Nguyễn Điện B có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau nên vào ngày 04/10/2009, bà Mai Thị B, bà Đinh Thị S và ông Nguyễn Điện B đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc ông B có trách nhiệm trả nợ cho bà B số tiền 300.000.000 đồng thay cho bà S. Đồng thời ông B viết giấy xác nhận và hẹn đến cuối tháng 04/2010, sẽ có trách nhiệm thay mặt bà S trả số tiền trên cho bà B. Đây là khoản tiền nằm trong tổng số tiền ông B mượn của bà S. Số tiền này không phát sinh lãi hoặc hủy bỏ ngang nếu không có sự thỏa thuận của ba người là bà S, bà B và ông B. Như vậy, quyền và nghĩa vụ của bà B, ông B đã phát sinh kể từ thời điểm ông B ký giấy thỏa thuận ngày 04/10/2009 vì các bên đã thống nhất chuyển giao quyền yêu cầu, chuyển giao nghĩa vụ với nhau. Bà S không còn nghĩa vụ gì với bà B đối với số tiền 300.000.000 đồng, ông B không còn nghĩa vụ gì với bà S đối với số tiền 300.000.000 đồng. Từ đó, ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà B 300.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với Điều 365, Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Việc ông B đã cam kết trả nợ cho bà B nhưng cho đến nay ông B vẫn không trả nợ cho bà B là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Tại giai đoạn sơ thẩm, mặc dù ông B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, có biết việc khởi kiện của bà B với ông B, trong đó bà S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có yêu cầu độc lập đối với bà S về việc xem xét lại 2 giấy vay tiền mà ông B đã nợ của bà S, đồng thời các chứng cứ ông B xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm đã được ông B và bà S đối chiếu chốt công nợ với nhau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Do đó, việc đề nghị hủy 2 giấy vay tiền của ông B đối với bà S là không có căn cứ. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, ông B không chứng minh được khi viết giấy xác nhận vào ngày 04/10/2009, ông bị đe dọa, ép buộc nên cấp sơ thẩm buộc ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà B số tiền là 300.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, bà B không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền ông B nợ bà S ngoài số tiền 300.000.000 đồng này, nếu bà S và ông B có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Từ đó cho thấy việc ông B tố cáo bà S điều hành hoạt động cho vay nặng lãi tại chợ Hòa Khánh là không có cơ sở pháp lý.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Điện B, buộc ông B phải trả cho bà B số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Điện B.

[5] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Điện B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Điện B phải chịu án phí DSPT.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Điện B. Buộc ông Nguyễn Điện B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Mai Thị B số tiền 300.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, Điều 365, Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Điện B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị B đối với ông Nguyễn Điện B về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Điện B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Mai Thị B số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Án phí DSST: Ông Nguyễn Điện B phải chịu 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Hoàn trả lại cho bà Mai Thị B 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000436 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Điện B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004122 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

